

LỜI NÓI ĐẦU

Quý phụ huynh cùng các em học sinh thân mến!

Trong chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018, cùng với các môn học khác, môn Ngữ văn được xây dựng nhằm hướng tới dạy học phát triển năng lực và phẩm chất thông qua việc rèn luyện các kỹ năng như: Đọc – Viết – Nói và nghe. Có thể thấy nơi thực tế, với tính mở của chương trình, học sinh thường gặp khó khăn ở kỹ năng Viết vì chưa tìm được phương pháp riêng cho mình mà thường còn phụ thuộc vào bài mẫu. Với mong muốn đem đến một nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, rèn luyện kỹ năng Viết (có thể áp dụng cho cả 3 bộ sách giáo khoa của Chương trình mới), nhóm tác giả đã biên soạn và giới thiệu quyển sách: Giúp em phát triển kỹ năng viết bài văn môn Ngữ văn 9

Nội dung quyển sách bao gồm 02 phần:

- Phần một Phương pháp viết đoạn văn hoặc bài văn theo các dạng bài trong chương trình: Phần này cung cấp cho học sinh các khái niệm về dạng bài viết, đưa ra những yêu cầu, hướng dẫn tỉ mỉ, cụ thể cách viết đoạn văn hoặc bài văn theo từng thể loại cụ thể để từ đó các em có thể nắm bắt một cách nhanh nhất, chính xác nhất phương pháp viết đoạn hoặc bài văn.

- Phần hai: Thực hành: Phần này cung cấp một số đề bài tham khảo với dàn ý, bài làm minh họa và bảng kiểm đi kèm nhằm giúp học sinh luyện kỹ năng Viết một cách thành thạo.

Với cấu trúc sách khoa học, nội dung sáng tạo, thiết thực, dễ đọc, dễ hiểu, chúng tôi hi vọng quyển sách sẽ là người bạn đồng hành của phụ huynh và học sinh khi rèn luyện kỹ năng Viết cũng như tri thức môn Ngữ văn khối 9.

Xin chân thành cảm ơn!

Nhóm tác giả

BÀI 1: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

- Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ là đoạn văn được trình bày với dung lượng ngắn gọn nhằm thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về nội dung, nghệ thuật của một bài thơ tám chữ.
- Thơ tám chữ là thể thơ mỗi dòng có tám chữ, không giới hạn số dòng, khổ thơ dài ngắn khác nhau hoặc không chia khổ và có cách ngắt nhịp đa dạng.

1.2. HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Để viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, chúng ta cần xác định được tác phẩm được chọn thuộc thể thơ tám chữ (dựa trên đặc trưng thể loại như: số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần,...).
- Nắm vững thể thức trình bày đoạn văn (lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu tiên, kết thúc đoạn bằng dấu chấm).
- Sử dụng ngôi thứ nhất (xưng “*tôi*”, “*em*”) khi trình bày cảm nghĩ về bài thơ.
- Đoạn văn được xây dựng với cấu trúc đầy đủ ba phần, cụ thể:
 - + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề bài thơ, tác giả và cảm nghĩ chung của mình về bài thơ (có thể khái quát thành câu chủ đề).

- + Thân bài: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét đặc sắc trong nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- + Kết bài: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa/thông điệp của bài thơ đối với bản thân.

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

Khi viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ, đều có thể có cách trình bày, cách diễn đạt khác nhau, nhưng các em cần lưu ý đảm bảo bố cục ba phần cũng như nội dung diễn đạt ở từng phần, cụ thể:

*** Mở đoạn:**

- Dẫn dắt vào bằng việc khái quát chung hoặc một nhận định/câu thơ phù hợp, nêu câu chủ đề giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả.
- Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ hoặc ấn tượng sâu sắc về bài thơ.
- Mở đầu đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.
- Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ chung.

*** Thân đoạn:**

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về một hoặc vài nét độc đáo trong nội dung của bài thơ.
- Nêu cảm nghĩ về những yếu tố nghệ thuật và làm rõ tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung; nêu tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.
- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ theo trình tự hợp lí. Cần chú ý khi trình bày nên bám sát bố cục bài thơ.
- Sử dụng một vài phép liên kết câu để đoạn văn thêm mạch lạc.

*** Kết đoạn:**

- Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.
- Dùng dấu câu phù hợp với kiểu câu để kết thúc đoạn văn.
- Nên chú ý câu từ, cách diễn đạt tránh lặp lại ý và từ ngữ đã viết ở phần thân đoạn.
- Cần khéo léo chọn cách diễn đạt phù hợp để thể hiện được mục đích khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ.

2. THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ TÁM CHỮ

2. 1. Đề tham khảo – Phân tích đề

Đề: *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Tiếng Việt” của Lưu Quang Vũ được thể hiện ở khổ 14, 15*

*... Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya?
Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.*

*Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nỗi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá môi tôi hôi hộp quá
Tiếng Việt ơi tiếng Việt xót xa tình...*
(Lưu Quang Vũ, *Tiếng Việt*, in trong tập *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*. NXB Giáo dục, 1987, tr 297 – 299)

Hình thức: Viết một đoạn văn (viết hoa chữ cái đầu và lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm câu ngắt xuống dòng. Đoạn văn phải đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. Sử dụng ngôi thứ nhất xưng “tôi” hoặc “em” để trình bày đoạn văn. Các từ ngữ phải được diễn tả chân thực, chính xác cảm nghĩ về bài thơ.

(Lưu ý: sử dụng từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn để tạo tính mạch lạc và chặt chẽ về hình thức)

Nội dung: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Tiếng Việt” của Lưu Quang Vũ được thể hiện ở khổ 14, 15. Trước hết, các em cần xác định được chủ đề của bài thơ là “tình yêu Tiếng Việt – ngôn ngữ dân tộc”. Sau đó, xác định một số nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ (cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nhạc điệu, cách sắp xếp bố cục...). Cuối cùng là khẳng định cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

(Lưu ý: Trong quá trình viết cần duy trì mạch cảm xúc của bản thân từ khi bắt đầu đến lúc kết thúc đoạn văn)

2.2. Dàn ý chi tiết

Đề: *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Tiếng Việt” của Lưu Quang Vũ được thể hiện ở khổ 14, 15*

Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ (nhan đề, tác giả) và nêu ấn tượng chung về bài thơ về một số yếu tố đặc sắc nhất (thuộc nội dung và nghệ thuật) của bài thơ.

- Giới thiệu nhan đề bài thơ “Tiếng Việt” của Lưu Quang Vũ

- Sự hòa quyện của Tiếng Việt trong muôn vàn điều kì diệu của cuộc sống (âm thanh, hình ảnh,...). Đồng thời là niềm tin tưởng về sức mạnh trường tồn của Tiếng Việt. Bên cạnh đó, vẫn còn những băn khoăn, khắc khoải về tương lai, khi gìn giữ và phát huy tiếng nói của dân tộc.

Thân đoạn: Nêu các ý thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về một hoặc vài nét độc đáo của bài thơ (nội dung, hình thức nghệ thuật)

- *Nội dung:*

+ Chủ đề của bài thơ: Tình yêu quê hương đất nước, đặc biệt là đối với ngôn ngữ dân tộc – Tiếng Việt.

+ Đoạn thơ đã ngợi ca vẻ đẹp của Tiếng Việt, luôn mộc mạc, giản dị và gần gũi nhất. Chúng ta có quyền tự hào về trang lịch sử trong quá trình gìn giữ và phát huy tiếng nói của dân tộc. Tác giả cho rằng, ngôn ngữ chính là máu thịt của mỗi quốc gia, là thứ tiếng lẫm lẫm giọt mồ hôi mặn chát, giọt nước mắt cay đắng và cả những tâm tình sâu lắng ngọt ngào, say đắm.

+ Tiếng Việt là thứ tiếng của tình yêu và lao động. Nhân dân là người đã lao động và sáng tạo ra Tiếng Việt, luôn chịu đựng, gian khổ, chiến đấu, vun đắp để Tiếng Việt mãi mãi là tiếng nói của một dân tộc có chủ quyền.

+ Bằng tất cả tình yêu Tiếng Việt Lưu Quang Vũ đã chấp bút nên những tình cảm tuyệt vời dành cho Tiếng dân tộc. Chính vì vậy, thơ của ông đã đứng lại được với thời gian.

- *Nghệ thuật:*

+ Biện pháp tu từ câu hỏi tu từ; Sử dụng hình ảnh thực - ảnh ảo, sách vở - đời sống; Tính nhạc phong phú, tinh tế; Thể thơ tám chữ gieo vần phóng khoáng và cách ngắt nhịp biến hóa khiến cho bài thơ trở thành một bản nhạc; Nhịp thơ khi trầm lắng, khoan thai, dồn dập, mạnh mẽ,...

+ Nêu cảm nghĩ về các biện pháp nghệ thuật.

Kết đoạn: Khái quát cảm nghĩ về bài thơ

2.3. Đoạn văn tham khảo

2.3.1. Đoạn văn tham khảo: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “*Tiếng Việt*” của Lưu Quang Vũ được thể hiện ở khổ 14, 15

Văn chương chứa đựng những giá trị vĩnh cửu và bài thơ *Tiếng Việt* của nhà thơ Lưu Quang Vũ đã để lại trong tôi những xúc cảm, chiêm nghiệm về tình yêu quê hương, đất nước đặc biệt là tiếng nói của dân tộc – *Tiếng Việt*. Có thể thấy, ngôn ngữ mang vẻ đẹp riêng là chủ quyền của một quốc gia. Vì thế, khổ thơ là dòng suy tưởng về sự băn khoăn, lo lắng về tương lai khi ngày nay nhiều hiện tượng sinh ngoại đang diễn ra trong một bộ phận giới trẻ. Đối với tác giả, bên cạnh niềm tự hào là những suy tư về vai trò của việc tiếp nối sự giàu đẹp của Tiếng Việt “*Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển/Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya?*” ngôn ngữ chính là máu thịt chảy trong từng người chúng ta, nó có thể kết tinh từ vị mặn mòi hôi của nhân dân lao động, được thêu dệt từ sự hy sinh của rất nhiều anh hùng để bảo vệ được độc lập chủ quyền của dân tộc. Tác giả sử dụng câu hỏi tu từ như một lời nhắc

nhờ thế hệ tương lai về cội nguồn lịch sử, những dấu tích muôn đời của cha ông đã gây dựng và giữ gìn. “*Ôi Tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ*” Lưu Quang Vũ được biết đến là nhà soạn kịch tài kịch, nhưng đến với thơ ông lại dành một tình cảm đặc biệt cho Tiếng Việt từ cảm thán nhẹ nhàng “*ôi*” chất chứa đầy đủ nỗi niềm của người đã dùng thơ văn để thể hiện sự tự hào cho một ngôn ngữ riêng của dân tộc. Có thể nói, tiếng mẹ đẻ được xem như một bản sắc văn hóa dân tộc. Trải qua hàng năm lịch sử để có thể lưu giữ và phát triển, đã có rất nhiều sự hy sinh, mất mát và đau thương “*suốt đời tôi mắc nợ*” . Đối với Lưu Quang Vũ ông có một nỗi khắc khoải, trăn trở với Tiếng Việt thông qua từ “*mắc nợ*” đã diễn tả đầy đủ những mong muốn của ông và cho con cháu mai sau về nhiệm vụ phải giữ lại nét đẹp giản dị, bình dị của Tiếng Việt. Cảm ơn Lưu Quang Vũ đã giúp ta thêm yêu Tiếng Việt.

2.3.2 Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.		
	Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm nghĩ về một bài thơ.		
	Có câu chủ đề, nêu chung tên bài thơ, tên tác giả và cảm nghĩ chung về bài thơ.		

Thân đoạn	Trình bày những cảm xúc, suy nghĩ về một hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ		
	Làm rõ tác dụng của những biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ		
Kết bài	Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân		
	Dùng dấu câu phù hợp để kết thúc đoạn văn		
Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu		
	Cách mở đoạn lôi cuốn, hấp dẫn		
	Cách kết đoạn đặc sắc, ấn tượng		
	Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết		

BÀI 2: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết thuộc bài nghị luận xã hội, trong đó người viết nêu lí lẽ, bằng chứng để phân tích một

vấn đề cần giải quyết, từ đó, đưa ra những giải pháp khả thi, thuyết phục cho vấn đề.

1.2. HƯỚNG DẪN VIẾT ĐOẠN

1.2.1. Yêu cầu chung

- *Về nội dung*: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.

- *Về hình thức*:

+ Lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

+ Nắm vững kiến thức trình bày một đoạn văn.

+ Sử dụng một vài phép liên kết câu để đoạn văn thêm mạch lạc.

- *Bố cục bài viết cần đảm bảo*:

+ Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.

+ Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết; phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.

+ Kết bài: khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động).

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

Bài văn phải đảm bảo tính mạch lạc, sự liên kết giữa các vế câu trong một bài viết. Bố cục bài viết phải đảm bảo ba phần, cụ thể như sau:

Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội, nêu sự cần thiết phải bàn luận về vấn đề.
- Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề
- Có thể mở bài theo lối trực tiếp (giới thiệu nhanh vấn đề nghị luận) hoặc gián tiếp (dùng một mẫu chuyện, một thông tin, một câu nói nổi tiếng hoặc nêu ý tương phản,... để dẫn đến vấn đề cần bàn luận.

Thân bài:

- Trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề, triển khai thành hệ thống luận điểm:

+ Luận điểm 1: Giải thích vấn đề

+ Luận điểm 2: Bản chất vấn đề đời sống được bàn luận, biểu hiện của vấn đề trong thực tế xã hội (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ)

+ Luận điểm 3: Sự tác động của vấn đề đối với cá nhân, cộng đồng, đất nước theo hướng tích cực hoặc tiêu cực (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ)

+ Luận điểm 4: Trách nhiệm của mỗi người trước vấn đề

- Nêu ý kiến trái chiều về vấn đề để phản bác

- Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề đời sống bàn luận
(Lưu ý: Trong quá trình viết nên sử dụng những chứng minh thực tế, hạn chế những hiện tượng không cụ thể, rõ ràng, có nhiều cách hiểu)

Kết bài:

- Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng đắn và giải quyết thỏa đáng vấn đề nêu ra.

- Liên hệ trách nhiệm của mỗi người đối với bản thân

Lưu ý: Khi viết cần bám sát yêu cầu kiểu bài và dàn ý đã lập để triển khai các phần của bài viết.

2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

2.1. Đề tham khảo – Phân tích đề

Đề: *Những giải pháp để khắc phục tình trạng sốc văn hóa trong xã hội ngày nay.*

Hình thức: Phải đảm bảo cấu trúc ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài; Các luận điểm lớn trong thân bài phải xuống dòng và lùi vào một khoảng xác định, viết hoa chữ cái đầu mỗi đoạn văn; Chú ý cách dùng từ, đặt câu, liên kết đoạn; Các lí lẽ, bằng chứng phải được sắp xếp cách rõ ràng, logic; Sử dụng dẫn chứng cụ thể có sức thuyết phục.

Nội dung: Xác định đúng vấn đề cần nghị luận là những giải pháp khắc phục tình trạng sốc văn hóa trong xã hội hiện nay; Nêu được thực trạng của vấn đề; nguyên nhân; hậu quả, giải pháp đề xuất phải thiết thực, khả thi; cụ thể trách nhiệm bản thân trong việc giải quyết vấn đề; nêu được ý kiến trái chiều để phản bác.

2.2. Dàn ý chi tiết

Đề: *Những giải pháp để khắc phục tình trạng sốc văn hóa trong xã hội ngày nay.*

Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội: Làm thế nào để khắc phục tình trạng sốc văn hóa trong xã hội hiện nay.
- Một vấn đề được xã hội quan tâm và chú ý.

Thân bài:

- Trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề, triển khai thành hệ thống luận điểm:

+ ***Luận điểm 1: Giải thích vấn đề: sốc văn hóa là gì?*** Là tác động của việc chuyển từ nền văn hóa quen thuộc sang một nền văn hóa khác. Nó bao gồm cú sốc của môi trường mới, gặp gỡ nhiều người mới. Cũng bao gồm những cú sốc về việc bị xa cách với những người quan trọng trong cuộc sống của bạn, như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và thầy cô của bạn.

+ ***Luận điểm 2: Bản chất vấn đề đời sống được bàn luận, biểu hiện của vấn đề trong thực tế xã hội (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ)***

Ngày nay, hiện tượng sốc văn hóa tăng cao và nó trở thành một trở ngại lớn đặc biệt là đối với các du học sinh. Một số biểu hiện của tình trạng sốc văn hóa khi đi du học đó là:

- Bạn tâm quá nhiều đến những điều nhỏ nhặt.
- Thay đổi tâm trạng thất thường, dễ giận dữ, cáu gắt, khó chịu.
- Không thể giải quyết những vấn đề cơ bản.
- Thiếu tự tin

Sốc văn hóa diễn ra ở bốn giai đoạn: Giai đoạn hứng thú, khủng hoảng, điều chỉnh, thích nghi

Nguyên nhân dẫn đến việc sốc văn hóa:

- Khác biệt trong lối sinh hoạt thường ngày.
- Sự khó khăn trong giao tiếp
- Bản thân chưa chịu thay đổi cách sống, cách suy nghĩ

+ Luận điểm 3: Sự tác động của vấn đề đối với cá nhân, cộng đồng, đất nước theo hướng tích cực hoặc tiêu cực (dùng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ)

Tiêu cực:

- Cảm giác bất an, hoang mang, lo sợ
- Ảnh hưởng đến cuộc sống thực tại
- Hiệu suất làm việc bị giảm
- Ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe

Tích cực:

- Trải qua cú sốc văn hoá sẽ góp phần đáng kể trong việc hình thành nên tính cách của bạn bằng cách dạy bạn tin tưởng vào bản thân mình, cách để tồn tại trong những khoảng thời gian cô đơn, lạc lõng nhờ đó giúp bạn trở nên cứng rắn hơn.
- Tiếp xúc với một ngôn ngữ mới sẽ buộc bạn phải thích nghi và học ngôn ngữ đó nhanh chóng hơn.
- Sau khi ảnh hưởng của cú sốc văn hóa giảm dần và bạn trở nên thoải mái hơn trong môi trường mới và mở rộng mối quan hệ, kết bạn với những người đến từ khắp nơi trên thế giới.

- Bạn không bao giờ phải sợ cú sốc văn hoá vì việc tìm hiểu một nền văn hoá hoàn toàn mới là một trải nghiệm rất thú vị.

+ *Luận điểm 4: Trách nhiệm của mỗi người trước vấn đề*

- Cần có những hiểu biết nhất định về văn hóa nước bản địa.
 - Giữ vững tư tưởng của bản thân
 - Hãy sống thực tế, đừng ngại thay đổi
 - Kết bạn ở địa phương
 - Tin tưởng vào bản năng của mỗi người
 - Ghi lại cuộc sống nước ngoài bằng video, hình ảnh, nhật kí,...
- Nêu ý kiến trái chiều về vấn đề để phản bác: Ngày nay vẫn còn nhiều người dễ dàng tiếp xúc với các nền văn hóa khác, thông qua việc học hỏi và trau dồi những kỹ năng cần thiết.
- Đề xuất giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề đời sống bản luận
- Đừng bỏ cuộc quá nhanh và hãy tìm sự giúp đỡ từ mọi người xung quanh.
 - Rèn luyện bản thân không ngừng.
 - Tham gia vào các hoạt động xã hội
 - Phân chia và giải quyết các vấn đề cách hợp lý
 - Tìm một sở thích mới
 - Tham gia vào các hoạt động cộng đồng của địa phương đó

(Lưu ý: Trong quá trình viết nên sử dụng những chứng minh thực tế, hạn chế những hiện tượng không cụ thể, rõ ràng, có nhiều cách hiểu)

Kết bài:

- Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng đắn và giải quyết thỏa đáng vấn đề nêu ra.
- Liên hệ trách nhiệm của mỗi người đối với bản thân

2.3. Bài văn tham khảo

2.3.1 Bài văn tham khảo:

Đề: Những giải pháp để khắc phục tình trạng sốc văn hóa trong xã hội ngày nay.

Khi lần đầu sống ở một môi trường mới lạ với nền văn hóa hoàn toàn mới thì việc hòa nhập với môi trường mới không chỉ đơn thuần về mặt ngôn ngữ, khoảng cách địa lí mà còn ở lối sống và văn hóa giao tiếp xã hội. Vì thế, nhiều người không thể tránh khỏi vấn đề sốc văn hóa. Chủ đề này không còn quá xa lạ, những người trong quá trình thích nghi với nền văn hóa mới được coi là nhóm đối tượng có khả năng chủ động phản ứng và giải quyết các vấn đề bắt nguồn từ sự thay đổi, chứ không phải là nạn nhân của sự bị động.

Việc trải nghiệm và tiếp xúc với các nền văn hóa khác là cơ hội để chúng ta học hỏi và trau dồi thêm nhiều kiến thức và kỹ năng. Đồng thời, đây cũng là khoảng thời gian để chúng ta điều chỉnh lại lại mọi thứ của bản thân. “Sốc” được hiểu là sự kích thích để đạt được các kỹ năng dành riêng cho nền văn hóa được yêu cầu để

tham gia vào các tương tác xã hội mới. Quá trình thích ứng bị ảnh hưởng bởi một số biến đổi, bao gồm kiến thức chung về một nền văn hóa mới, năng lực ngôn ngữ hoặc giao tiếp. **Sốc văn hóa** là tác động của việc chuyển từ nền văn hóa quen thuộc sang một nền văn hóa khác. Nó bao gồm cú sốc của môi trường mới, gặp gỡ nhiều người mới. Cũng bao gồm những cú sốc về việc bị xa cách với những người quan trọng trong cuộc sống của bạn, như gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và thầy cô của bạn.

Ngày nay, hiện tượng sốc văn hóa tăng cao và nó trở thành một trở ngại lớn đặc biệt là đối với các du học sinh. Một số biểu hiện của tình trạng sốc văn hóa khi đi du học đó là: Bận tâm quá nhiều đến những điều nhỏ nhặt; Thay đổi tâm trạng thất thường, dễ giận dữ, cáu gắt, khó chịu; Không thể giải quyết những vấn đề cơ bản; Thiếu tự tin. Sốc văn hóa diễn ra ở bốn giai đoạn: Giai đoạn hứng thú, khủng hoảng, điều chỉnh, thích nghi. Có thể thấy, các du học sinh rời xa môi trường thân thuộc đến với nơi xa lạ chắc chắn sẽ có những vấn đề làm cho chúng ta ngỡ ngàng và lẽ đương nhiên nó buộc phải “*nhập gia tùy tục*”.

Thay đổi thói quen, chấp nhận một bước ngoặt khi đặt chân lên mảnh đất khác, chúng ta dường như ném vào một khoảng không mù sương, đầy hoang mang và không biết đâu là định hướng của bản thân. Nhận thức rõ nguyên nhân gây nên cú sốc văn học sẽ giúp cho chúng ta dễ dàng vượt qua khỏi giai đoạn khó khăn. Những cảm xúc, cách nhìn, thích nghi chính là những vấn đề mà khi hai nền văn hóa va chạm với nhau nó trở nên khác biệt, đảo

lộn. Nguyên nhân bắt nguồn việc chúng ta vẫn chưa tìm hiểu cách vẹn toàn về đất nước, địa phương mà chúng ta đặt chân đến. Bên cạnh đó, là sự trở ngại trong việc giao tiếp, từ đó dễ dàng xảy ra những bất đồng không đáng có. Bên cạnh đó, chúng ta phải đối mặt với rất nhiều vấn đề gọi là “*thích nghi*” và “*chịu thay đổi*” Có rất nhiều người cố chấp không chịu thay đổi cách sống và suy nghĩ trong cuộc sống.

Sự tác động của quá trình sốc đến chúng ta chẳng hạn như: Cảm giác bất an, hoang mang, lo sợ; ảnh hưởng đến cuộc sống thực tại; hiệu suất làm việc bị giảm; ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe. Đồng thời, vấn đề tiếp nhận một nền văn hóa mới cũng mang đến những mặt tích cực, thứ nhất trải qua cú sốc văn hoá sẽ góp phần đáng kể trong việc hình thành nên tính cách của bạn bằng cách dạy bạn tin tưởng vào bản thân mình, cách để tồn tại trong những khoảng thời gian cô đơn, lạc lõng nhờ đó giúp bạn trở nên cứng rắn hơn. Thứ hai, tiếp xúc với một ngôn ngữ mới sẽ buộc bạn phải thích nghi và học ngôn ngữ đó nhanh chóng hơn. Thứ ba, sau khi ảnh hưởng của cú sốc văn hoá giảm dần và bạn trở nên thoải mái hơn trong môi trường mới và mở rộng mối quan hệ, kết bạn với những người đến từ khắp nơi trên thế giới. Thứ tư, Bạn không bao giờ phải sợ cú sốc văn hoá vì việc tìm hiểu một nền văn hoá hoàn toàn mới là một trải nghiệm rất thú vị.

Đứng trước những khó khăn và thách thức của vấn đề sốc văn hóa như hiện nay, chúng ta cần có những giải pháp hiệu quả để giảm thiểu tối đa hững ảnh hưởng xấu. Trước tiên, cần có những

hiểu biết nhất định về văn hóa nước bản địa. Bên cạnh đó, luôn giữ vững tư tưởng của bản thân. Hãy sống thực tế, đừng ngại thay đổi. Việc kết bạn ở địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người có thể thích nghi với môi trường mới. Mặt khác, tin tưởng vào bản năng của mỗi người và cuối cùng hãy ghi lại cuộc sống nước ngoài bằng video, hình ảnh, nhật kí,...

Ngày nay vẫn còn nhiều người dễ dàng tiếp xúc với các nền văn hóa khác, thông qua việc học hỏi và trau dồi những kĩ năng cần thiết. Để giảm thiểu tình trạng trên, chúng ta phải không ngừng học hỏi, tư duy và sáng tạo để tạo nên những điều mới mẻ trong cuộc sống này.

Sốc văn hóa là một thử thách không thể tránh khỏi đối với những người bước chân vào môi trường mới. Tuy nhiên, thông qua sự học hỏi, thích nghi và tư duy tích cực, mọi người có thể vượt qua tình trạng này và hòa nhập vào xã hội mới.

2.3.2. Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu vấn đề cần giải quyết		
	Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề		
	Giải thích vấn đề		

Thân bài	Trình bày luận điểm phân tích các khía cạnh của vấn đề		
	Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề		
	Trình bày luận điểm, đề xuất giải pháp		
	Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các giải pháp cần thực hiện		
	Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí		
Kết bài	Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề		
	Rút ra bài học cho bản thân		
Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu		
	Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn		
	Kết bài ấn tượng		

**BÀI 3: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH
VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

HAY DI TÍCH LỊCH SỬ

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH HAY DI TÍCH LỊCH SỬ

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử thuộc loại văn bản thông tin, được viết nhằm cung cấp thông tin cho người đọc về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử trên các phương diện: Vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,...; giá trị văn hóa lịch sử; cách thức tham quan.

1.2. HƯỚNG DẪN BÀI VĂN

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.
- Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: Trật tự không gian, trật tự thời gian, quan hệ nhân quả,...
- Dùng đề mục và các dấu hiệu hình thức để làm nổi bật thông tin quan trọng.
- Sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (Sơ đồ, biểu bảng, hình ảnh,...) để minh họa và làm nổi bật thông tin
- Có thể kết hợp thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự để hấp dẫn, thu người đọc.
- Trình bày thông tin chính xác, rõ ràng, hấp dẫn.
- Cấu trúc gồm ba phần:

+ Mở bài: giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

+ Thân bài: lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của danh lam cảnh hay di tích lịch sử: vị trí tọa lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến cảnh quan,..., giá trị văn hóa, lịch sử; cách thức tham quan;...

+ Kết bài: đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (có thể bổ sung lời mời tham quan).

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

Bài văn phải đảm bảo tính mạch lạc, sự liên kết giữa các vế câu trong một bài viết. Bố cục bài viết phải đảm bảo ba phần, cụ thể như sau:

*** Mở bài:**

- Nêu tên danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử
- Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.
- Đặt nhan đề giới thiệu và đặc điểm nổi bật của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử để hấp dẫn người đọc.

*** Thân bài:**

- Lần lượt trình bày các thông tin về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử: Vị trí tọa lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,... giá trị lịch sử, văn hóa, cách thức tham quan, phỏng vấn khách tham quan hoặc người quản lý,...
- Nêu giá trị nổi bật của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử
- Kết hợp thuyết minh với miêu tả, tự sự, biểu cảm,..

- Kết hợp các cách trình bày theo thông tin như: Theo trật tự không gian, trật tự thời gian, phân loại đối tượng, so sánh, đối chiếu,...
- Sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ thông tin quan trọng; Chú thích tên các phương tiện phi ngôn ngữ và trích dẫn nguồn (nếu có).

(Lưu ý: Cần tham khảo những tư liệu từ các nguồn chính thống)

*** Kết bài:**

- Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (Khái quát ý nghĩa, giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội – văn hóa của địa phương và đất nước.
- Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của người viết về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử
- Đưa ra lời mời tham quan (nếu cần)

2. THỰC HÀNH VIẾT VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH HAY DI TÍCH LỊCH SỬ

2.1. Đề tham khảo – Phân tích đề

Đề tham khảo: Viết bài văn thuyết minh (khoảng 600 chữ) về di tích lịch sử Đền Hùng Cần Thơ – Nét kiến trúc độc đáo của thành phố Tây Đô

Hình thức: Bài viết bố cục phải đảm bảo ba phần: Mở bài, thân bài và kết bài; Kết hợp linh hoạt các yếu tố miêu tả, cung cấp dữ liệu khách quan, dựa trên các tài liệu đáng tin cậy; Chọn các từ xưng hô phù hợp dựa trên các hình dung cụ thể về đối tượng đọc bài thuyết minh (chúng ta, du khách,...); Dựa vào văn bản những

hình ảnh, sơ đồ, bản đồ,... phù hợp nhằm làm nổi bật các đặc điểm của danh lam thắng cảnh.

Nội dung: Trình bày đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử theo trình tự hợp lý; Nêu giá trị nổi bật của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; cung cấp những thông tin về tình trạng bảo tồn, phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử đó.

2.2. Dàn ý chi tiết

Bài văn phải đảm bảo tính mạch lạc, sự liên kết giữa các vế câu trong một bài viết. Bố cục bài viết phải đảm bảo ba phần, cụ thể như sau:

Mở bài: Giới thiệu khái quát về di tích lịch sử Đền Hùng Cần Thơ

Thân bài: **Đền Hùng Cần Thơ – Nét kiến trúc độc đáo của thành phố Tây Đô**

- Vị trí tọa lạc và lịch sử hình thành

+ Tổng diện tích khoảng 3,9 ha, gồm các hạng mục: Đền thờ chính, nghi môn, nhà điều hành, nhà dịch vụ, nhà bia, sân đường, cây xanh, hồ điều hòa... Trong đó, cổng chính lấy ý tưởng thiết kế từ hoa văn nhà sàn mái hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn, được ốp đá xanh Thanh Hóa, có cửa chính và hai cửa phụ, phía trên nổi bật dòng chữ “ĐỀN THỜ VUA HÙNG”.

+ Công trình đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn cho những người con nước Việt trong mọi miền Tổ quốc.

+ Được khởi công vào tháng 6 năm 2019 và chính thức mở cho du khách tham quan vào ngày 7 tháng 4 năm 2022.

- Kiến trúc độc đáo Đền Hùng Cần Thơ

+ Đền thờ Vua Hùng Cần Thơ gây ấn tượng bởi kiến trúc sang trọng, mạnh mẽ. Chiếc cổng chính gây ấn tượng bởi hình ảnh hai chim hạc hai bên chào đón các tín đồ thập phương.

+ Đền có thiết kế tổng thể theo hình bản đồ Việt Nam với trục thần đạo đi từ đường Đặng Văn Dầy đến đền chính.

+ Đền thờ Vua Hùng Cần Thơ gây ấn tượng bởi kiến trúc sang trọng, mạnh mẽ. Chiếc cổng chính gây ấn tượng bởi hình ảnh hai chim hạc hai bên chào đón các tín đồ thập phương. Đền có thiết kế tổng thể theo hình bản đồ Việt Nam với trục thần đạo đi từ đường Đặng Văn Dầy đến đền chính.

Điểm nhấn của công trình là đền thờ chính cao 19,5m, diện tích gần 1.300 m², có hình khối tròn xây trên nền vuông, tượng trưng cho trời và đất. Bao quanh đền thờ chính là 54 khối cột hình trụ cao 4,5m, đường kính 1m kết thành vòng tròn trong hồ điều hòa, các trụ cột tượng trưng cho cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. 18 cánh cung bao quanh đền chính tượng trưng cho 18 đời Hùng Vương; mỗi cánh cung được trang trí mô phỏng từ họa tiết trên trống đồng Đông Sơn.

+ Trong Đền Hùng Cần Thơ còn có khu vực hồ điều hòa. Đây là sự kết hợp của hình ảnh phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cộng hưởng cùng vẻ đẹp của cây dừa nước, tre và hệ thống cây xanh theo kiến trúc đậm chất Tây Nam Bộ. Các hoa văn, chi tiết thời Văn Lang

cũng được điêu khắc trên phần cánh và thân của công trình, phảng phất rõ nét bản sắc văn hóa của dân tộc ta.

+ Gian thờ chính tại đây rộng 400 m², là nơi thờ phụng Quốc tổ Hùng Vương, Tổ phụ Lạc Long Quân, Tổ mẫu Âu Cơ, Lạc hầu, Lạc tướng. Xung quanh gianh thờ còn có trống châu, chuông đồng, trống đồng cổ được rước từ Phú Thọ về an vị trong gian thờ chính của Đền Hùng Cần Thơ. Chánh điện của các gian thờ trên tầng 2 được trang trí bởi hoa văn, phù điêu dựa trên điển tích, truyền thuyết và tư liệu mà lịch sử đã để lại.

+ Tại chính điện, các gian thờ trên tầng hai, hoa văn phù điêu được chạm khắc tỉ mỉ tái hiện truyền thuyết “*con rồng cháu tiên*” và các truyền thuyết thời vua Hùng.

+ Đền chính sẽ gồm 2 tầng: không gian trưng bày và thờ tự của các thời Vua Hùng, tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng ở Cần Thơ và các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long.

- Các nghi lễ quan trọng tại Đền Hùng Cần Thơ

+ Giỗ tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 âm lịch là ngày lễ trọng đại của đất nước, nhằm ghi nhớ công ơn dựng nước và giữ nước của các thời vua Hùng.

+ Ngày 18 tháng 4 năm 2024 Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TP Cần Thơ tổ chức nghi lễ Giỗ Tổ Hùng Vương thành kính tại Đền Thờ.

- Giá trị văn hóa, lịch sử

+ Công trình văn hóa, tâm linh độc đáo, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Ý nghĩa lịch sử quan trọng của Đồng bằng Sông Cửu Long và quốc gia.

+ Là một trong hai điểm du lịch nổi bật của Thành phố Cần Thơ

- *Cách thức tham quan*

+ Tham quan vào các ngày trong tuần trừ thứ 2 đóng cửa đền chính để bảo quản tư liệu, hiện vật.

+ Khi đến tham quan có thể yêu cầu thuyết minh hướng dẫn về di tích lịch sử Đền Hùng.

+ Không tuyên truyền thông tin sai lệch về những giá trị lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng thờ cúng Hùng vương, không sử dụng tài liệu, ấn phẩm có nội dung mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hoạt động có nội dung mê tín dị đoan, không thực hiện những vấn đề trái quy định pháp luật hiện hành trong khuôn viên đền thờ vua Hùng.

Kết bài:

+ Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (Khái quát ý nghĩa, giá trị của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội – văn hóa của địa phương và đất nước).

+ Bài tỏ suy nghĩ, tình cảm của người viết về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử

+ Đưa ra lời mời tham quan (nếu cần)

2.3. Bài văn tham khảo

2.3.1. Bài văn tham khảo: Viết bài văn thuyết minh (khoảng 600 chữ) về di tích lịch sử Đền Hùng Cần Thơ – Nét kiến trúc độc đáo của thành phố Tây Đô

Đền Hùng Cần Thơ tọa lạc trên đường Võ Văn Kiệt – Đặng Văn Dầy, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ là một trong những công trình kiến trúc thể hiện được nét văn hóa dân tộc của người miền Tây sông nước. Đền Hùng được xây dựng vào tháng 6 năm 2019 và đã trở thành niềm tự hào cho mảnh đất Tây Đô. Với lối xây dựng độc đáo, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa tín ngưỡng mang giá trị nhân dân, được xem là nơi gắn kết hàng triệu trái tim con người Việt Nam hướng đến đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.

Vị trí tọa lạc và lịch sử hình thành

Với tổng diện tích khoảng 3,9 ha, gồm các hạng mục: Đền thờ chính, nghi môn, nhà điều hành, nhà dịch vụ, nhà bia, sân đường, cây xanh, hồ điều hòa... Trong đó, công chính lấy ý tưởng thiết kế từ hoa văn nhà sàn mái hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn, được ốp đá xanh Thanh Hóa, có cửa chính và hai cửa phụ, phía trên nổi bật dòng chữ “ĐỀN THỜ VUA HÙNG”. Công trình đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn cho những người con nước Việt trong mọi miền Tổ quốc. Được khởi công vào tháng 6 năm 2019 và chính thức mở cho du khách tham quan vào ngày 7 tháng 4 năm 2022. Khi đặt chân đến nơi đây, du khách không chỉ có cơ hội nhìn ngắm lại trang lịch hào hùng của dân tộc mà có thể

ngưỡng mộ về sự tài năng của con người Việt Nam khi đã tạo ra một công trình mang dấu ấn của thời gian.



Hai cửa phụ vào Đền Vua Hùng

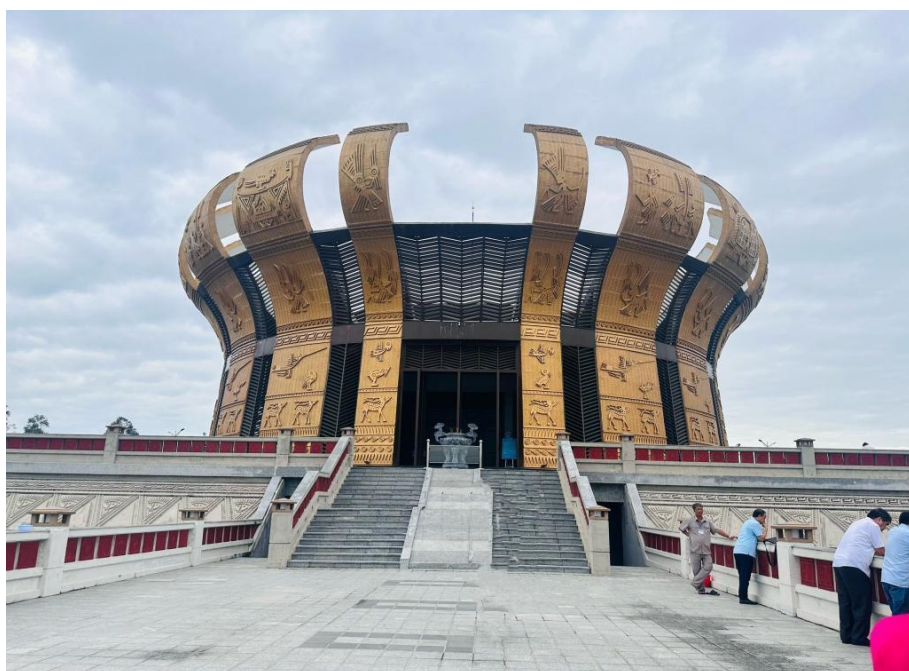
Kiến trúc độc đáo Đền Hùng Cần Thơ

Đền thờ Vua Hùng Cần Thơ gây ấn tượng bởi kiến trúc sang trọng, mạnh mẽ. Chiếc cổng chính gây ấn tượng bởi hình ảnh hai chim hạc hai bên chào đón các tín đồ thập phương. Đền có thiết kế tổng thể theo hình bản đồ Việt Nam với trục thần đạo đi từ đường Đặng Văn Dầy đến đền chính.



Cổng chính Đền thờ Vua Hùng

Điểm nhấn của công trình là đền thờ chính cao 19,5 m, diện tích gần 1.300 m², có hình khối tròn xây trên nền vuông, tượng trưng cho trời và đất. Bao quanh đền thờ chính là 54 khối cột hình trụ cao 4,5m, đường kính 1m kết thành vòng tròn trong hồ điều hòa, các trụ cột tượng trưng cho cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. 18 cánh cung bao quanh đền chính tượng trưng cho 18 đời Hùng Vương; mỗi cánh cung được trang trí mô phỏng từ họa tiết trên trống đồng Đông Sơn.



*Khối đền chính có kiến trúc hình khối tròn trên nền vuông,
tượng trưng cho trời và đất*

Trong Đền Hùng Cần Thơ còn có khu vực hồ điều hòa. Đây là sự kết hợp của hình ảnh phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cộng hưởng cùng vẻ đẹp của cây dừa nước, tre và hệ thống cây xanh theo kiến trúc đậm chất Tây Nam Bộ. Các hoa văn, chi tiết thời Văn Lang cũng được điêu khắc trên phần cánh và thân của công trình, phảng phất rõ nét bản sắc văn hóa của dân tộc ta.

Gian thờ chính tại đây rộng 400 m², là nơi thờ phụng Quốc tổ Hùng Vương, Tổ phụ Lạc Long Quân, Tổ mẫu Âu Cơ, Lạc hầu, Lạc tướng. Xung quanh gian thờ còn có trống chầu, chuông đồng, trống đồng cổ được rước từ Phú Thọ về an vị trong gian thờ chính của Đền Hùng Cần Thơ. Chánh điện của các gian thờ trên

tầng hai được trang trí bởi hoa văn, phù điêu dựa trên điển tích, truyền thuyết và tư liệu mà lịch sử đã để lại.

Tại chính diện, các gian thờ trên tầng hai, hoa văn phù điêu được chạm khắc tỉ mỉ tái hiện truyền thuyết “con rồng cháu tiên” và các truyền thuyết thời vua Hùng. Đền chính sẽ gồm 2 tầng: không gian trưng bày và thờ tự của các thời Vua Hùng, tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng ở Cần Thơ và các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long.

Đền Hùng đã trở thành nét văn hóa lịch sử và tâm linh cho vùng đất Đồng Bằng Sông Cửu Long. Không dừng ở đó, nói đây là địa điểm thờ tự thể hiện lòng thành kính của con cháu đối với các vị Vua Hùng đã có công dựng nước và giữ nước.

2.3.2 Bảng kiểm kỹ năng viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu tên của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử		
	Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.		
	Trình bày hệ thống những thông tin liên quan đến các phương diện khác nhau		

Thân bài	của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử		
	Kết hợp thuyết minh với miêu tả, tự sự, biểu cảm,..		
Kết bài	Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.		
	Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của người viết về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử		
	Đưa ra lời mời gọi tham quan (nếu cần)		
Hình thức và diễn đạt	Nhan đề và các đề mục nêu được thông tin chính của bài viết		
	Sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ thông tin quan trọng.		
	Sử dụng hiệu quả (các) trình bày thông tin		
	Chú thích tên các phương tiện phi ngôn ngữ và trích dẫn nguồn (nếu có)		
	Diễn đạt mạch lạc		

	Không mắc lỗi chính tả		
--	------------------------	--	--

BÀI 4: VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.2. HƯỚNG DẪN VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC

1.2.1. Yêu cầu chung

- Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc là dùng trí tưởng tượng và kỹ năng kể chuyện của người viết để viết một truyện kể bằng cách phỏng theo một truyện đã đọc với những sáng tạo, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.
- Có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp, nội dung có tính giáo dục.
- Thể hiện sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện kể đọc (khơi sâu, nắn lại chủ đề, bổ sung nhân vật, sự việc, thay đổi bối cảnh, quan hệ,...) hoặc về hình thức (thay đổi ngôi kể, nhân vật, cách tạo dựng đối thoại, biện pháp tu từ, kết hợp miêu tả, biểu cảm,...)
- Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất hoặc ngôi thứ ba.
- Bố cục truyện gồm 3 phần.

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

* **Mở đầu:** Giới thiệu nhân vật/ bối cảnh/ nội dung chính của câu chuyện.

(Lưu ý: Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc)

* **Diễn biến truyện:** Thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lý; thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo, có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.

- Lần lượt trình bày các sự kiện có trong cốt truyện.

- Đọc kĩ truyện đã tìm, xác định chủ đề, đặc điểm nội dung, hình thức của truyện kể sẽ phỏng theo tóm tắt chuỗi sự kiện, nhân vật (viết theo dạng sơ đồ)

(Lưu ý: Khi viết một truyện kể sáng tạo trên cơ sở phỏng theo truyện đã đọc, em cần học tập cách hư cấu sáng tạo của các nhà văn)

- Trong văn bản truyện riêng và văn bản tự sự nói chung, kể, miêu tả và biểu cảm là thao tác thường kết hợp với nhau để làm câu chuyện thêm hấp dẫn, sinh động,...

- Nếu tác phẩm chuyển thể từ truyện tranh cần dựa vào hình ảnh trong truyện tranh để bổ sung các chi tiết miêu tả thời gian, không gian, nhân vật. Nếu viết một tác phẩm truyện dựa trên một “truyện chữ”, cần sáng tạo dựa trên cốt truyện một cách đơn giản. Chú ý ghi rõ truyện được mô phỏng từ tác phẩm nào để đảm bảo yêu cầu về vấn đề sở hữu trí tuệ

* **Kết thúc truyện:** Phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc (tùy trường hợp có thể giải thích hoặc khái quát ý nghĩa bài học từ truyện kể)

2. THỰC HÀNH VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC

2.1. Đề tham khảo – Phân tích đề

Đề tham khảo: *Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tình anh em phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm.*

Hình thức: Cần có bố cục ba phần; Chú ý ngôi kể và điểm nhìn để kể lại sự việc, diễn biến và lời văn cho phù hợp với ngôi kể; các chi tiết mà mình đã “sáng tạo” thêm vào câu chuyện có hợp lí hay không; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Nội dung: Cần sắp xếp nội dung; lựa chọn các yếu tố kể chuyện như: Người kể chuyện, bối cảnh, nhân vật, cốt truyện, bằng cách tự đặt ra câu trả lời; phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc.

2.2. Dàn ý chi tiết

Đề tham khảo: *Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tình anh em phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm.*

Mở truyện: Giới thiệu bối cảnh, nhân vật chính của câu chuyện cổ tích “Thạch Sanh – Lí Thông”

Diễn biến truyện:

- Người vợ có mang đến mấy năm mà chưa sinh nở.

- Người chồng qua đời, rất nhiều năm sau người vợ mới sinh ra một chàng trai khôi ngô, khỏe mạnh đặt tên là Thạch Sanh.
- Không lâu sau mẹ cậu qua đời.
- Thạch Sanh mồ côi, sống một mai trong túp lều nhỏ dưới gốc cây đa, đồn củi kiếm ăn hàng ngày.
- Cậu được các vị thần nuôi dạy võ nghệ và mọi phép thần thông.
- Một hôm, trong lúc vào rừng lấy củi, Thạch Sanh gặp được Lí Thông, nghe theo lời hấn Thạch Sanh đã về nhà ở với mẹ con Lí Thông.
- Lí Thông lừa Thạch Sanh đi nộp mạng cho chằn tinh thay hấn, nhưng cuối cùng Thạch Sanh đã giết được chằn tinh.
- Về đến nhà, Lí Thông có ý định cướp công của Thạch Sanh nên đã vẽ ra một câu chuyện sai sự thật, nhằm muốn cướp công của Thạch Sanh và được vua phong cho tước Quận công.
- Thạch Sanh bắn đại bàng bị thương, cứu công chúa. Trong hang sau, chàng giải thoát cho con vua Thủy Tề, được Thủy Tề tặng cho cây đàn thần. Một lần nữa chàng bị Lí Thông cướp công và hãm hại.
- Chằn tinh và đại bàng lập mưu báo thù. Chàng bị bắt giam trong ngục tối.
- Công chúa từ khi được cứu thoát bỗng nhiên bị câm. Vừa sai Lí Thông tìm thầy chữa bệnh cho nàng nhưng không ai chữa được.
- Nghe tiếng đàn của Thạch Sanh, công chúa hết bệnh, nói cười vui vẻ. Vừa truyền gọi người gảy đàn cào cung.

- Thạch Sanh râu bày đầu đuôi mọi người. Mẹ con U' Thông bị sét đánh chết, hóa thành bọ hung.

Kết thúc truyện: Nhà vua gả công chúa cho Thạch sanh. Bằng tiếng đàn thần, chàng dẹp yên quân của mười nước kéo sang gây cản.

- Thạch Sanh dọn cơm thiết đãi kẻ thua trận. Niều cơm thần của chàng ăn mãi không hết.

- Nhà vua nhường ngôi cho Thạch Sanh.

- Mẹ con Lí Thông vì tội ác của bản thân đã bị nhà vua đuổi ra khỏi cung điện, sống kiếp dân thường như trước khi, đói rách phải đi ăn xin sống qua ngày.

2.3. Bài viết tham khảo

2.3.1. Bài văn tham khảo:

Ngày xưa ngày xưa, ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tiểu phu đã già mà vẫn chưa có con. Ngày ngày, họ phải lên rừng đốn củi về đổi lấy gạo nuôi thân. Tuy nghèo nhưng họ lại hay làm việc nghĩa giúp đỡ mọi người. Thấy thế, Ngọc Hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con của họ. Nhưng mang thai đã lâu mà bà vẫn không sinh, thấm thoát thời gian trôi qua rất nhiều năm, chồng cũng qua đời và bà cũng hạ sinh một cậu con trai khôi ngô, tuấn tú đặt tên là Thạch Sanh.

Một thời gian sau, người mẹ cũng qua đời. Một mình cậu phải lủi thủi kiếm sống bằng công việc hàng ngày vào rừng đốn củi và ở trong túp lều rách dưới gốc cây đa. Gia tài chỉ một cái lưỡi búa

mà cha để lại. Ngọc Hoàng sai các thiên thần xuống để dạy các phép thần thông và võ nghệ cho cậu.

Lí Thông làm nghề bán rượu. Một hôm, trên đường về nhà thấy một chàng trai khỏe mạnh, vạm vỡ, gánh trên vai một bó củi lớn, hần liền sinh ra một ý đồ xấu với Thạch sanh:

- *Người này khỏe mạnh như thế, chắc về nhà sẽ có rất nhiều lợi ích cho ta*

Thế là Lí Thông bắt chuyện với Thạch Sanh. Do tính thật thà, lại thêm những lời ngọt ngào của Lí Thông đã kể cho hần nghe về gia cảnh mình. Lí Thông gạ kết nghĩa làm anh em, đang thiếu đi tình yêu thương của cha với mẹ, Thạch Sanh đã nhẹ dạ tin hần vui vẻ nhận lời, từ giã gốc cây đa về sống chung với mẹ con Lí Thông.

Bấy giờ trong vùng có con chằn tinh hung hăng hay ăn thịt người. Nó có phép biến hóa khôn lường, dân phải lập miếu để thờ và mỗi năm phải nộp cho chằn tinh một mạng người để nó đỡ phá phách.

Năm ấy, đến lượt Lí Thông nộp mình. Mẹ con hần sợ lắm, bày mưu tính kế lừa để Thạch Sanh chết thay. Lí Thông dọn sẵn một mâm rượu thịt. Chiều tối, Thạch Sanh đi kiếm củi về, Lí Thông mời chàng ăn rồi bảo:

- *Đêm nay đến lượt anh canh miếu thờ, nhưng lại làm dang dở mẻ rượu, em chịu khó thay anh đến sáng thì về.*

Tin lời Thạch Sanh đi ngay.

Nửa đêm, Thạch Sanh đang thiu thiu ngủ thì chằn tinh đến sau miếu hiện ra, nó định ăn thịt chàng. Thạch Sanh lấy búa giết chằn

tin, nhưng chần tin lúc thoát ỏn thoát hiện cũng không làm cho Thạch Sanh sợ hãi, chàng trở tài nghệ để đánh quái vật. Lát sau, lưỡi búa của chàng đã chém xỏ nó làm hai mảnh. Chần tin hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ. Cạnh xác nó là bộ cung tên màu vàng. Thạch Sanh chặt đầu quái vật rồi nhặt bộ cung tên xách về nhà.

Tưởng oan hồn Thạch Sanh hiện về đòi mạng, mẹ con Lí Thông kinh hãi, rồi rít lay van. Nghe Thạch Sanh kể chuyện giết chần tin, chúng mới hoàn hồn, vốn là kẻ độc ác, tham lam, luôn có ý đồ xấu xa. Lí Thông liền nảy ra kế khác, tiếp tục bịa ra một câu chuyện khác để lừa Thạch Sanh là con trăn ấy là con nuôi của vua. Thạch sanh giết nó đã mang trọng tội. Hấn tỏ ra lo lắng cho Thạch Sanh và bảo chàng phải nhanh chóng đi trốn, mọi việc ở nhà để hấn lo liệu. Thạch Sanh trở về túp lều dưới gốc đa của mình, ngày ngày vào rừng đốn củi để kiếm sống.

Lí Thông vội vàng mang đầu chần tin vào cung để lập công, thấy chần tin bị giết, dân làng được cuộc sống yên bình trở lại nhà vua rất vui mừng nên đã trọng thưởng cho Lí Thông và phong cho hấn chức Quận Công.

Con gái nhà vua đã đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử các nước đến cầu hôn nhưng công chúa chẳng chịu ai. Vua đành mở hội gieo cầu để công chúa gieo trúng ai thì sẽ trở thành tướng công. Nhưng chẳng may trong lúc công chúa chuẩn bị gieo thì bị một con đại bàng đại bắt đi.

Đại bàng bay qua chỗ của Thạch Sanh, trông thấy nó chàng liền lấy cung tên vàng ra bắn, đại bàng trúng vào cánh, bị thương bay về núi. Lần theo vết máu, chàng tìm đến nơi giấu công chúa. Từ ngày công chúa mất tích, nhà vua đau buồn vô cùng. Ngài ra lệnh cho Lí Thông đi tìm và hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Lí Thông trong lòng vừa mừng vừa sợ. Cuối cùng, hắn lại nghĩ ra được một kế.

Hắn truyền lệnh mở hội thi hát mười ngày để tìm tin tức của Thạch Sanh đi xem hội. Nghe Lí Thông nói phải đi tìm công chúa bị mất tích, Thạch Sanh kể lại mọi chuyện. Lúc ấy, trong lòng của Lí Thông lòng vui như mở hội. Thạch Sanh đưa Lí Thông đến chỗ công chúa ở.

Đến nơi, Thạch Sanh vội vã xuống cứu công chúa. Quân lính của nhà vua cột dây vào lưng chàng rồi thả xuống hang sâu. Vốn là một chần tinh có nhiều phép lạ, đại bàng nó liền chồm đến, tung cánh để tấn công chàng. Thạch Sanh giương cung bắn mù mắt nó, lấy búa bổ vỡ đầu nó. Chàng lấy dây buộc ngang mình công chúa rồi ra hiệu quân lính kéo lên. Đưa công chúa lên khỏi hang, Lí Thông ở lại vấp hang lại giết Thạch Sanh, cướp công của chàng.

Biết mình bị hại, Thạch Sanh cố tìm lối thoát. Đến cuối hang sâu, chàng thấy một hoàng tử bị nhốt trong cũi sắt. Thạch Sanh lấy bộ cung tên vàng bắn tan cũi sắt, cứu được thái tử vua Thủy Tề bị đại bàng nhốt ở đây. Thái tử hết lời cảm tạ và mời ân nhân xuống thăm thủy cung. Gặp lại con, Thủy Tề vô cùng sung sướng

và đối đãi với Thạch Sanh rất hậu. Thạch Sanh từ chối vàng bạc châu báu, chỉ xin một cây đàn. Thái Tử rẽ nước đưa chàng lên bờ. Chàng lại trở về túp lều dưới gốc đa xưa.

Lại kể đến chuyện của chằn tinh về đại bàng. Sau khi Thạch Sanh giết chết, hồn chúng lang thang khắp nơi. Tinh cò gặp nhau, chúng bàn cách trả thù chàng. Chúng ăn trộm một số đồ quý giá trong cung vua, lén bỏ vào túp lều của Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt giam vào ngục tối. Chàng chẳng thể nào giải bày nỗi oan khuất của mình.

Từ hôm được cứu thoát, công chúa tự nhiên sinh bệnh, suốt ngày buồn rầu, không có nói cười vì thế lễ cưới với Lí Thông bị hoãn lại. Vua sai người đi tìm thầy thuốc để chữa bệnh cho công chúa nhưng các danh y giỏi đều bó tay.

Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, buồn quá bèn đem đàn ra gảy. Tiếng đàn vang vọng đến phòng của công chúa. Nghe tiếng đàn công chúa bỗng vui vẻ trở lại, nàng xin vua cha cho gọi người gảy đàn.

Nhà vui lấy làm vui sướng, khi được vào cung Thạch Sanh đã kể hết mọi chuyện. Sự thật bị phơi bày. Nhà vua giận dữ sai bắt mẹ con Lí Thông độc ác rồi giao cho Thạch Sanh xét xử. Vốn tính nhân hậu, thương người, Thạch Sanh tha cho chúng nhưng trên đường về nhà mẹ con hắn đã gặp những tên cướp và giết chết chúng trên đường và hóa thành những con sâu bọ.

Lễ cưới công chúa và Thạch Sanh được tổ chức linh đình suốt mấy ngày liền. Nghe tin vua gả công chúa cho một kẻ đón củi

nghèo khổ, hoàng tử của mười tám nước liền kéo quân sang đánh. Thạch Sanh xin vua được đi trừ giặc. Chàng chỉ mang theo cây đàn thần. Tiếng đàn của chàng vừa réo rắt cất lên thì quân giặc bủn rủn hết tay chân, vội vã xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Mấy vạn tướng sĩ thấy chỉ có một niêu cơm bé tí được mang ra thì bĩu môi, không thèm cầm đũa. Thạch Sanh tươi cười đồ họ ăn hết niêu cơm ấy, chàng sẽ trọng thưởng. Nhưng kì lạ thay, cơm xới đến đâu lại đầy lên đến đấy. Quân sĩ mười tám nước vô cùng kinh ngạc, vội lạy tạ Thạch Sanh rồi rút về nước. Nhà vua truyền ngôi cho Thạch Sanh. Hai vợ chồng chàng sống êm đềm, hạnh phúc bên nhau.

2.3.2 Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích tích một tác phẩm văn học:

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu truyện	Giới thiệu nhân vật/bối cảnh/nội dung chính của câu chuyện		
	Có phần dẫn dắt lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc.		
	Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc		
	Có nhân vật		
	Có cốt truyện		
	Sử dụng ngôi kể phù hợp		

Diễn biến truyện	Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí		
	Thể hiện sự sáng tạo của bản thân người viết (về nhân/ sự kiện/tình huống, bối cảnh/chi tiết,...)		
	Kết hợp lời kể với lời miêu tả, biểu cảm		
	Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.		
	Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục		
Kết thúc truyện	Phù hợp với diễn biến câu chuyện		
	Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩa đối với người đọc		
Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện	Câu văn giàu hình ảnh		
	Lời kể linh hoạt, tự nhiên		
	Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ		

BÀI 5: VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.2. HƯỚNG DẪN VIẾT

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Truyện kể sáng tạo (có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm) thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong đó, người viết dùng trải nghiệm trong cuộc sống và trí tưởng tượng để sáng tạo một câu chuyện có bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, kết hợp miêu tả và biểu cảm để câu chuyện sinh động.
- Truyện kể sáng tạo là câu chuyện hoàn toàn mới hoặc mô phỏng một truyện đã có nhưng điều chỉnh, thay đổi các chi tiết, sự việc nhân vật,... theo ý tưởng của người viết.
- Thông qua câu chuyện tác giả thể hiện quan điểm, suy nghĩ, thái độ của mình về những vấn đề trong cuộc sống.
- Người kể (có thể là nhân vật trong truyện – ngôi thứ nhất, hoặc người ngoài cuộc – ngôi thứ ba).
- Viết truyện kể sáng tạo là tạo lập một văn bản tự sự có yếu tố hư cấu và có tính nghệ thuật nhất định. Khác với các văn bản như nhật kí, hồi kí, bản tường trình,...truyện cho phép người viết tưởng tượng những sự việc, con người không có thật. Nhưng dù hư cấu thế nào thì truyện vẫn luôn đặt ra vấn đề của đời sống con người. Vì thế, việc sáng tạo các tình huống, sự việc chi tiết, nhân vật (con người, con vật, thần thánh,...) chỉ là phương thức để người đọc gửi gắm những thông điệp về cuộc sống. Đó là một bài học đạo lí, lối sống hay một quan niệm, một góc nhìn thiên nhiên, xã hội, con người.

- **Về nội dung:** Đề tài gần gũi; nội dung câu chuyện gắn với một/một vài nhân vật trong một bối cảnh thời gian và không gian nhất định; truyền tải thông điệp nào đó tới người đọc.
- **Về hình thức:** Xây dựng cốt truyện gồm các sự việc chính, chi tiết tiêu biểu; kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm.

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

- * **Mở đầu truyện :** Giới thiệu thời gian, không gian, các nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.
- * **Diễn biến truyện:** Chọn ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba); lần lượt kể lại các sự kiện từ mở đầu đến kết thúc xoay quanh nhân vật chính; sử dụng các chi tiết tiêu biểu; xây dựng đối thoại giữa các nhân vật; kết hợp miêu tả và biểu cảm,...
- * **Kết thúc truyện:** Có thể nêu cách giải quyết vấn đề được đề cập trong truyện phù hợp với diễn biến câu chuyện, gợi mở hoặc thể hiện những suy ngẫm từ/ về câu chuyện.

2. THỰC HÀNH VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO

2.1. Đề tham khảo (tham khảo ngữ liệu ở phần nội dung truyện kể sáng tạo dựa trên truyện đã đọc)

2.2 Bảng kiểm kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu truyện	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
	Giới thiệu nhân vật, bối cảnh, tình huống nảy sinh câu chuyện		

	Lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc		
Diễn biến truyện	Có nhân vật chính		
	Có vài nhân vật phụ		
	Có nhân vật được khắc họa sống động qua ngoại hình, lời nói, ngôn ngữ, hành động		
	Có cốt truyện		
	Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến phù hợp		
	Có các chi tiết cụ thể, sinh động		
	Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm		
	Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính/tạo được một số điểm nhấn trong câu chuyện		
	Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục		
	Phù hợp với diễn biến câu chuyện		

Kết thúc truyện	Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc		
Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện	Câu văn giàu hình ảnh		
	Lời kể linh hoạt, tự nhiên		
	Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ		

BÀI 6: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

1.1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.2. HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI VĂN

1.2.1. Yêu cầu chung:

Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung của tác phẩm.

Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.

Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.

1.2.2. Hướng dẫn chi tiết

Mở bài: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.

** Một số lưu khi làm bài phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học:*

- Xác định thể loại của văn bản trên thuộc thể loại nào?
- Nhận biết được đó là văn bản hay đoạn trích. Nếu là đoạn trích trong một tác phẩm dài thì cần đọc kĩ tóm tắt trước đoạn trích để hiểu bối cảnh và phân tích, đánh giá đoạn trích trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích, đánh giá truyện cần chú ý các đặc trưng tự sự cốt truyện, tình huống, nhân vật, chi tiết, điểm nhìn, lời văn trần thuật

và các bút pháp nghệ thuật gắn với từng tiểu loại của văn bản như truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thần thoại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm,... Thông qua các yếu tố hình thức trên để hiểu thông điệp, nội dung, tư tưởng của truyện.

- Phân tích và đánh giá thơ cần chú ý các nét đặc trưng trữ tình như mạch cảm xúc, cảm hứng trữ tình; cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình; khổ thơ, vần, nhịp, câu tứ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, ngôn ngữ,... gắn với mỗi tiểu loại (thơ đường luật, thơ tự do, thơ lục bát,...). Từ các yếu tố hình thức này mà hiểu và chỉ tình cảm xúc chủ đạo và thông điệp tư tưởng từ văn bản thơ.

- Phân tích và đánh giá một tác phẩm kịch cần chú ý cách trình bày: hồi,幕, cảnh, hệ thống nhân vật, lời thoại và các chỉ dẫn nghệ thuật, nội dung tư tưởng, cách tổ chức mâu thuẫn, xung đột và giải quyết vấn đề; các biện pháp gắn với đặc điểm của mỗi tiểu loại (hài kịch, bi kịch);... Từ đó, hiểu được nội dung, tư tưởng, thái độ của tác giả cũng như ý nghĩa xã hội của các vấn đề mà văn bản kịch nêu lên.

2. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC

2.1. Đề tham khảo – Phân tích đề

Đề tham khảo 1: *Viết bài văn phân tích, đánh giá bài thơ mùa xuân nho nhỏ của tác giả Thanh Hải*

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

*Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao ...
[...]*

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc ...”*

*Mùa xuân tôi xin hát
Câu Nam ai Nam Bình
Nước non ngàn dặm mình*

Nước ngon ngàn dặm tình

(Sách giáo khoa Ngữ Văn 9, Tập hai,

NXB Giáo dục Việt nam, 2017, tr.55, 56)

Hình thức: Đảm bảo bố cục ba phần, lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản

Nội dung: Phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.

Đề tham khảo 2: Phân tích, đánh giá vẻ đẹp khuất lấp của Chí Phèo trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao

2.2. Dàn ý chi tiết

Đề tham khảo 1: Viết bài văn phân tích, đánh giá bài thơ mùa xuân nho nhỏ của tác giả Thanh Hải

Mở bài: Giới thiệu tác phẩm văn học, khái quát về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật.

Thân bài:

- Giới thiệu tóm tắt về về thơ

- Nêu lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ

+ Luận điểm 1: Những nét đặc sắc về nghệ thuật

. Hình ảnh chọc lọc -> đặc trưng của mùa xuân xứ Huế hiện lên thật trong trẻo, thơ mộng và tràn đầy sức sống.

. Phép tu từ đảo ngữ - đưa từ “mọc” lên đầu câu

. Bức tranh mùa xuân không chỉ có đường nét, màu sắc mà còn có cả âm thanh.

. Phép tu từ ẩn dụ - chuyển đổi cảm giác

“Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng”

. Sử dụng hình ảnh “*người cầm súng*” và “*người ra đồng*” để cảm nhận hình ảnh đất nước.

. Điệp ngữ “*tất cả*”, các từ láy biểu cảm “*hối hả*”, “*xôn xao*”, nhịp thơ nhanh => nhà thơ đã khái quát được cả một thời đại của dân tộc.

. Nghệ thuật nhân hóa, so sánh, điệp ngữ -> Nhà thơ Thanh Hải bày tỏ niềm tự hào và niềm tin vào tương lai tươi sáng của đất nước.

. Điệp từ, liệt kê -> lời ước nguyện tha thiết, cảm động.

. Khát vọng cống hiến bền bỉ

. Lời ca ngợi quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

+ Luận điểm 2: Chủ đề văn học

Kết bài:

- Sử dụng các phương tiện liên kết câu

- Khái quát nội dung chủ đề và hình thức nghệ thuật của tác phẩm hoặc bài học rút ra từ tác phẩm

2.3. Bài văn tham khảo

2.3.1. Bài văn văn tham khảo 1:

Thanh Hải tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông bắt đầu sự nghiệp viết lách của mình từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt

động và là một trong những cây bút tiên phong phát lên lá cờ của nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu. Bài thơ mùa xuân nho nhỏ là một trong những đứa con tinh thần của ông và nó đặc biệt đọng lại trong lòng độc giả vì đó là tác phẩm được nhà thơ viết trong những ngày tháng cuối đời khi phải đấu tranh với căn bệnh hiểm nghèo. Bài thơ còn được biết đến là một tấm di chúc khi nó nói lên nỗi lòng của tác giả về tình yêu tha thiết với đất nước, với cuộc đời khi ông mong muốn được góp dâng “*mùa xuân nho nhỏ*” của mình vào mùa xuân lớn của đất nước, dân tộc. Đề tài ông chọn viết là nói về mùa xuân, cũng như bao mùa xuân mà các thi sĩ khác đã từng khai thác. Ấy thế mà “*mùa xuân nho nhỏ*” của ông sao mà đặc biệt đến thế, ông thổi hồn vào từng câu chữ để khi đọc qua ta có thể cảm nhận được niềm mến yêu tha thiết cuộc sống và sự trong trẻo lạc quan khi phải đứng trước ranh giới sinh ly tử biệt.

Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên của mùa xuân, những giai điệu âm vang thân thuộc, giản dị đến từ vùng quê đã được cha đẻ của bài thơ nắn nót vẽ nên một cách có chọn lọc mà vẫn gợi hình, gợi cảm cho ta cảm nhận được những tiếng hò reo ca hát khi đón chào một mùa xuân mới đang gõ cửa.

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Hình ảnh mọc giữa dòng sông xanh một bông hoa tím biếc, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế thơ mộng, cũng như nơi chôn nhau cắt rốn của tác giả. Động từ “*mọc*” được sử dụng ở vị trí đầu câu thơ gợi cho em hình ảnh bao la rộng lớn của dòng sông và sự đặc biệt của ánh tím hoa lục bình khi mọc lên ngay giữa sự rộng lớn ấy, thể hiện niềm hân hoan chào đón tín hiệu mùa xuân đã đến trước thềm.

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Nhà thơ cảm thán khi đưa tai lắng nghe tiếng chim chiền chiện hót, hai từ “*hót chi*” là giọng điệu thân thương của người dân xứ sở cung đình đã được tác giả đưa vào diễn tả cảm xúc thiết tha giữa người với vật. tiếng chim ngân vang trời đất , ngấm dòng sông, bông hoa biếc, tiếng chim chiện đã góp thêm sức mạnh cho nhà thơ có thêm niềm vui và động lực chống chọi với căn bệnh quái ác. Câu thơ “*tôi đưa tay tôi hứng*” thoát nhìn tuy chỉ là một cử chỉ bình thường đầy dung dị nhưng lại thể hiện sự trân quý của ông đối với từng “*giọt long lanh*”, mà giọt này có thể hiểu là giọt sương giọt mưa đầu mùa, tác giả thể hiện sự trân trọng thiên nhiên qua từng hình ảnh nhỏ nhất.

Nói đến sự sôi động của mùa xuân, ta không chỉ thấy được vẻ đẹp thuần khiết quyến rũ của khung cảnh thiên nhiên mà còn thấy được sự trẻ trung, sôi nổi của con người.

“Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ”

Bốn câu thơ trên nói về mùa xuân của con người, mùa xuân của sản xuất và chiến đấu của ông cha ta. Cấu trúc thơ song hành đã thể hiện rõ ràng nhất hai nhiệm vụ chiến lược ấy. Hình ảnh lộc từ lâu đã ghi sâu vào tiềm thức của người dân ta khi nhắc đến sự trù phú, thì hình ảnh lộc non còn là biểu tượng cho sức sống mới vươn lên. Nếu như “lộc” của người cầm súng ý chỉ người lính là cành lá ngụy trang đồng hành theo từng bước chân hành quân , là xương máu mà các anh đã đổ xuống, là công sức đánh đổi tuổi xuân của mình để giành lấy tuổi xuân cho dân tộc , gieo mầm xuân cho thế hệ mai sau thì “ lộc” của người nông dân là mồ hôi, là bát cơm thơm thảo , là chiếc áo ấm. Người nông dân đem giọt đắng mồ hôi và sức lao động cần cù đổi lấy màu xanh cho ruộng đồng “*nương mạ*” bát ngát trên quê hương ông . Ý thơ của Thanh Hải vô cùng sâu sắc và giàu sức gợi khi ông lấy hình ảnh máu và mồ hôi của nhân dân của đồng bào đã góp phần tô điểm mùa xuân và để giữ lấy mùa xuân vĩnh hằng. Từ đó mà giai điệu của mùa xuân trở nên rộn ràng hơn , nhịp sống của con người cũng hồi hả , xôn xao hơn

“Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao”

Điệp từ “*Tất cả*” kết hợp với từ láy “*hối hả*” “*xôn xao*” đã góp phần làm tăng nhịp điệu của câu thơ lại càng làm nên cảm giác về

một nhịp sống mà “*tất cả*” đều trở nên bận rộn hối hả và sôi động, tăng tính cấp bách và quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Và rồi khi đứng trước khung cảnh tươi đẹp tràn đầy sức sống ấy của mùa xuân đất nước tác giả đã không tiếc lời bày tỏ niềm tự hào , niềm tin của mình vào một tương lai ngày mai tươi sáng , đầy hứa hẹn .

“Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước”

Thi sĩ Thanh Hải đã nhắc lại chặng đường bốn nghìn năm của đất nước, lúc suy vong, lúc hưng thịnh với bao thử thách “*vất vả và gian lao*” . Đó là một chặng đường dài đấu tranh giành độc lập, giành tự do đầy những gian nan , khó khăn và chứa đựng nhiều thử thách, sự mất mát chia li, vợ phải xa chồng mẹ thời xa con. Có những cuộc chia xa định sẵn rằng sẽ không có ngày tái ngộ. Thời gian dài đằng đẳng ấy, nhân dân ta qua hàng trăm thế hệ đã mang xương máu và mồ hôi của mình đổ lên đất mẹ vì đã lỡ đem lòng yêu mảnh đất cần cỗi mà thắm đậm tình người này . Câu thơ “*Đất nước như vì sao*” là một hình ảnh so sánh đẹp và đầy ý nghĩa. Hình ảnh so sánh ấy vừa gợi đến nguồn sáng trường tồn mãi với thời gian, không gian vừa cho ta thấy chấp niệm về một tương lai tươi sáng đầy rộng mở và hứa hẹn mà không một tác nhân nào có thể kìm hãm được. Cùng với đó, cấu trúc song hành “*đất nước bốn ngàn năm*”, “*đất nước như vì sao*” đã diễn tả sự tiến lên của

lịch sử và lần nữa khẳng định về sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước. câu nói “*cứ đi lên*” như lời nói của tác giả thể hiện chí khí hùng hồn , quyết tâm và niềm tin sắt đá của dân tộc để xây dựng một Việt Nam bất khuất giàu mạnh có thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

Nếu âm điệu và nhịp thơ của những khổ trên mang nét hối hả, khẩn trương vừa tả thực vừa mang nhiều hàm chứa đa nghĩa về mùa xuân của đất nước lớn lao thì bốn câu thơ sau đó lại như một nốt trầm nhẹ nhàng trong một bài nhạc vui tươi rộn rã

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến”*

Điệp ngữ “*ta làm*” ở đầu câu thơ như một lời khẳng định về những mong muốn, những ước nguyện tưởng chừng như vô nghĩa ấy, thế mà lại thể hiện sự thanh cao và tươi đẹp dường nào. Khát khao được làm việc, cống hiến cho cuộc đời của nhà thơ từ những chi tiết nhỏ nhất nhất khi chỉ mong ước được làm “*con chim hót*” để gọi mùa xuân về mang giọng hát trong trẻo của mình mang đến niềm vui cho con người, làm “*một nhành hoa*” để mang hương sắc của mình điểm tô cho cuộc sống thêm tươi tắn làm đẹp cho cảnh quan nước nhà, và làm “*một nốt trầm*” của bản “*hòa ca*” êm ái để làm xao xuyến lòng người. Với nhà thơ cách mạng , đối với ông hóa thân là để hiến dâng , để có thể lần nữa được sống

được cống hiến và được giúp ích cho đồng bào mình với một mục đích cao cả:

một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi đôi mươi

Dù là khi tóc bạc

Mùa xuân là một khái niệm trừu tượng về thời gian đâu có bao nhiêu thế kỉ trôi qua thì mùa xuân vẫn đến một cách dịu dàng nhất, nhưng tác giả đã cụ thể hình ảnh mùa xuân bằng cách sử dụng từ “*nho nhỏ*” điều này thể hiện một tâm hồn bình dị, lặng lẽ cống hiến của tác giả ông cống hiến hết lòng nhưng lại khiêm tốn nói mùa xuân của ông nhỏ, mong muốn góp chút ít sức lực của mình cho mùa xuân lớn lao của đất nước, dù là khi bản thân mới tuổi hai mươi hay khi bản thân đã chín mùi qua thời gian, tuổi đã già tóc đã bạc.

Đến với khổ thơ cuối, đây như tiếng hò yêu thương, êm ả của giọng hò xứ Huế, thể hiện tình yêu của tác giả đối với Thừa Thiên – Huế nơi mà đã in hằn những dấu chân từ thuở tảo bē của ông

Mùa xuân ta xin hát

Câu nam ai, nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền đất Huế

Đối với người dân xứ Trảng Tiền chắc hẳn chẳng còn xa lạ gì đối với Nam ai và Nam bình là hai điệu dân ca Huế nổi tiếng, còn phách tiền là một nhạc cụ dân tộc để nhịp cho lời ca, tiếng đàn tranh, đàn tam thập lục . Câu thơ “*mùa xuân ta xin hát*” diễn tả khao khát mong muốn bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu của tác giả. Đối với tác giả, xứ Huế luôn hiện lên nét thân thương với ý “*ngàn dặm mình*”, “*ngàn dặm tình*” mỗi bước ông đi trên đất Huế là mỗi một nhịp đập trong trái tim và tiềm thức của người thi sĩ.

Kết thúc hành trình chống chọi và chung sống với căn bệnh đau đớn hành hạ thì ông cũng đã khép lại hành trình viết lách của mình. Ông rời xa cõi đời, rời xa quê hương nơi mà cả đời ông tâm huyết, dẫu vậy ông vẫn hiện hữu theo một cách khác, ông đã đi xa nhưng ông vẫn sống, ông sống trong các con của mình các tác phẩm của ông và sống mãi trong lòng người đọc giả. Có thể nói, Thanh Hải đã góp cho vườn thơ của nền văn học Việt Nam một bài thơ xuân đẹp đậm đà tình cảm và gia vị của quê hương. Với thể thơ năm chữ qua cái tôi của ông giọng thơ lúc mạnh mẽ lúc nhẹ nhàng khi lại tha thiết ngân nga , ngôn ngữ thơ trong trẻo cảm tưởng như không thể bị vấy bẩn các biện pháp tu từ được vận dụng đầy sắc sảo và tận dụng triệt để đã làm nên “*mùa xuân nho nhỏ*” có thể nói bài thơ vừa là tâm nguyện vừa là tấm “*di chúc*” khi thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ ở những giây phút cuối của cuộc đời vẫn muốn được cống hiến cho đất nước góp một “*mùa xuân nho nhỏ*” của bản thân vào mùa xuân lớn của dân tộc.

Thanh Hải mở ra một khung cảnh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp và con người năng động trong mùa xuân. Tất cả những điều này giúp bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả qua nhiều thế hệ.

2.3.2 Bài văn tham khảo 2:

Chí Phèo là một trong những truyện ngắn thành công nhất của nhà văn Nam Cao, tác phẩm có sức sống bền vững theo thời gian, neo đậu vững chắc trong lòng người đọc xuyên suốt năm tháng và là ngôi sao sáng bậc nhất trên bầu trời văn học Việt Nam. Đồng thời, Chí Phèo còn khắc họa thành công hình ảnh người nông dân nghèo bị bản tính hoá bởi đói kém bám riết, bị chèn ép bởi xã hội cũ khiến cho họ phải đánh mất đi bản chất thiện lương vốn có của mình. Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo xã hội thực dân nửa phong kiến tàn ác và mục ruỗng đã dồn người nông dân thấp cổ bé họng vào bước đường cùng, dẫn đến bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của nhân vật để rồi cuối cùng lại hình thành nên con quỷ dữ của làng Vũ Đại. Nam Cao đã khắc họa Chí Phèo không chỉ là một kẻ lưu manh, côn đồ mà còn là một con người với những vẻ đẹp khuất lấp bên trong. Qua việc khắc họa những khát vọng, tình cảm và bi kịch của Chí Phèo, tác giả đã làm nổi bật những giá trị nhân văn sâu sắc trong một xã hội đầy rẫy bất công và tàn ác.

Một trong những vẻ đẹp khuất lấp rõ ràng nhất của Chí Phèo là khát vọng được sống lương thiện. Từ một đứa trẻ mồ côi, lớn lên trong sự ghẻ lạnh của xã hội, Chí Phèo đã từng là một anh

canh điền hiền lành, chăm chỉ. Tuy nhiên, cuộc đời anh rẽ sang một bước ngoặt đen tối khi bị Bá Kiến đẩy vào tù. Sau khi ra tù, Chí Phèo bị biến thành một con người hoàn toàn khác: một kẻ lưu manh, côn đồ, suốt ngày say xỉn và gây rối. Dù vậy, bản chất lương thiện trong anh chưa bao giờ hoàn toàn mất đi.

Khát vọng lương thiện của Chí Phèo bùng lên mạnh mẽ nhất khi anh gặp Thị Nở. Sự chăm sóc giản dị, nhưng đầy tình người của Thị Nở đã đánh thức những cảm xúc đã bị vùi lấp trong Chí Phèo. Lần đầu tiên trong cuộc đời, anh cảm nhận được sự quan tâm, sự ấm áp và tình người từ Thị Nở. Hình ảnh Chí Phèo sau khi tỉnh rượu, ngồi lặng lẽ trước cái ao và nghĩ về một gia đình, về những bữa cơm đơn giản nhưng đầy ắp tình thương, đã khắc họa rõ nét khát vọng lương thiện trong anh. Anh mơ ước được làm lại cuộc đời, xa rời những ngày tháng rượu chè, côn đồ, trở về với con người hiền lành, lương thiện trước kia. Điều này cho thấy rằng dù bị xã hội xô đẩy vào con đường tội lỗi, bản chất của Chí Phèo vẫn khao khát được trở lại làm người lương thiện. Tình yêu mà Chí dành cho Thị Nở là một trong những vẻ đẹp khuất lấp quan trọng của nhân vật này. Dù Thị Nở là người phụ nữ có ngoại hình xấu xí và bị xã hội xa lánh, Chí Phèo vẫn yêu thương cô một cách chân thành. Tình yêu này không chỉ là sự khao khát thể xác mà còn là sự đồng cảm, sự chia sẻ và khát vọng hạnh phúc. Qua tình yêu với Thị Nở, Chí Phèo mơ ước về một cuộc đời khác, không phải là *“con quỷ của làng Vũ Đại”* mà là một con

người bình thường, có gia đình, có người yêu thương và được sống trong sự bình yên.

Những ngày sống cùng Thị Nở, Chí Phèo cảm nhận được sự thay đổi lớn trong lòng mình. Anh không còn uống rượu, không còn muốn gây rối. Chí Phèo bắt đầu mơ về một cuộc sống giản dị bên Thị Nở, với những bữa cơm đạm bạc nhưng ấm áp tình người. Tình yêu và khát vọng hạnh phúc đã làm thức tỉnh phần nhân tính bị vùi lấp trong Chí Phèo. Tình yêu này là minh chứng rõ ràng rằng, bên trong con người tưởng chừng đã bị tha hóa hoàn toàn, vẫn tồn tại một trái tim khao khát yêu thương và hạnh phúc.

Bên trong lớp vỏ của một kẻ lưu manh, nhân tính của Chí Phèo vẫn còn đó, dù bị xã hội và hoàn cảnh vùi dập. Những ngày sống bên Thị Nở, anh như được hồi sinh, cảm nhận lại những cảm xúc mà mình đã quên lãng từ lâu. Những khoảnh khắc Chí Phèo thức dậy trong buổi sáng bình yên, lắng nghe tiếng chim hót, ngắm nhìn khung cảnh làng quê và mơ về một cuộc sống bình dị đã thể hiện rõ điều này.

Chí Phèo từng bước nhận ra rằng, anh vẫn là một con người với đầy đủ những cảm xúc và khát vọng rất con người. Những suy nghĩ về việc làm lại cuộc đời, về một gia đình với Thị Nở, về những bữa cơm giản dị nhưng đầy ắp tình thương, đã khắc họa rõ nét phần nhân tính vẫn còn tồn tại trong Chí Phèo. Sự thức tỉnh này cũng là lời nhắc nhở rằng bên trong mỗi con người, dù có bị tha hóa đến đâu, vẫn luôn tồn tại một mầm mống của nhân tính, chỉ cần được chăm sóc và nuôi dưỡng đúng cách.

Sau những ngày tháng sống trong cơn say, Chí Phèo tỉnh lại và nhận ra sự khủng khiếp của cuộc sống mà mình đã trải qua. Chí Phèo muốn trở về làm người lương thiện, nhưng xã hội và hoàn cảnh đã không cho anh cơ hội. Bi kịch của Chí Phèo là bi kịch của một con người muốn sống tốt, nhưng không thể thoát ra khỏi vòng xoáy của xã hội bất công và tàn ác. Cuộc đối thoại nội tâm của Chí Phèo với chính mình, khi anh nhận ra rằng không ai chấp nhận anh trở lại làm người lương thiện, là một trong những đoạn văn đau đớn và bi thương nhất trong tác phẩm.

Chí Phèo nhận ra rằng, dù anh có muốn làm lại cuộc đời, muốn trở lại làm người lương thiện, nhưng xã hội đã không còn chấp nhận anh. Bi kịch của Chí Phèo là bi kịch của một con người bị xã hội vứt bỏ, không có cơ hội để làm lại cuộc đời. Cuối cùng, trong cơn tuyệt vọng, Chí Phèo đã tìm đến cái chết như một cách để giải thoát khỏi cuộc sống đầy đau khổ và bất công. Cái chết của Chí Phèo không chỉ là bi kịch của một cá nhân, mà còn là bi kịch của cả một tầng lớp người nông dân trong xã hội phong kiến Việt Nam.

Nam Cao đã thành công trong việc xây dựng nhân vật Chí Phèo với những vẻ đẹp khuất lấp, qua đó phê phán mạnh mẽ xã hội phong kiến tàn ác đã đẩy người nông dân lương thiện vào con đường tội lỗi. Chí Phèo không chỉ là một kẻ lưu manh, mà còn là một con người với những khát khao và mong muốn chân thành. Điều này làm cho nhân vật Chí Phèo trở nên sống động và sâu sắc, để lại ấn tượng mạnh mẽ trong lòng người đọc.

Nhân vật Chí Phèo là minh chứng cho tài năng của Nam Cao trong việc khắc họa con người với những chiều sâu tâm lý phức tạp. Qua nhân vật này, tác giả đã gửi gắm thông điệp nhân văn sâu sắc, khẳng định rằng dù trong hoàn cảnh nào, con người vẫn luôn khao khát sống lương thiện và hạnh phúc. Vẻ đẹp khuất lấp của Chí Phèo không chỉ làm nổi bật giá trị nhân văn của tác phẩm mà còn góp phần làm nên sự bất hủ của nhân vật trong văn học Việt Nam.

Ngoài ra, Chí Phèo còn đại diện cho những con người bị xã hội bỏ rơi, những người không có tiếng nói, không có quyền được sống một cuộc đời đáng sống. Nam Cao đã lên tiếng thay cho họ, tố cáo một xã hội bất công và tàn nhẫn, đồng thời khẳng định giá trị của từng con người, dù họ có ở trong hoàn cảnh nào đi nữa. Chính vì thế, tác phẩm “*Chí Phèo*” không chỉ là một câu chuyện về số phận của một con người, mà còn là một bản cáo trạng xã hội, một lời kêu gọi sự thay đổi và tiến bộ.

Nhìn chung, Chí Phèo là một nhân vật phức tạp, vừa mang những khía cạnh tiêu cực do hoàn cảnh xô đẩy, vừa ẩn chứa những vẻ đẹp nhân văn sâu sắc. Sự thành công của Nam Cao trong việc khắc họa nhân vật này đã góp phần quan trọng vào việc định hình nền văn học hiện thực Việt Nam, đồng thời để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả qua nhiều thế hệ.

2.3.3 Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: Chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật

TIÊU CHÍ		ĐẠT	CHƯA ĐẠT
Mở bài	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả		
	Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật)		
Thân bài	Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề		
	Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm		

Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu		
	Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn		
	Cách kết thúc đặc sắc, ấn tượng		
	Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết		